TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2022/QĐST-DS	*Cầu Ngang, ngày 08 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2021/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị M, sinh năm 1966
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Ư, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Ông Nguyễn Văn Ư và bà Nguyễn Thị M tự nguyện thỏa thuận trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay còn nợ là 1.500.000.000 đồng (Một tỉ năm trăm triệu đồng) theo yêu cầu của bà M.

- Về thời hạn trả tiền: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Ư, bà Nguyễn Thị M tự nguyện thỏa thuận do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn Ư và bà Nguyễn Thị M tự nguyện nộp 14.250.000 đồng. Xét ông Ư là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí đúng quy định được Thẩm phán chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, miễn án phí Tòa án, xét miễn cho ông Ư 50% đối với số tiền án phí là 14.250.000 đồng mà ông và bà M tự nguyện nộp, do đó số tiền miễn cho ông Ư là 7.125.000 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà M tự nguyện nộp số tiền án phí còn lại là 7.125.000 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị M tự nguyện thỏa thuận nộp 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng xét bà M là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên xét miễn án phí cho bà M số tiền 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thoa